

Số : 309 /VNPT-KHĐT

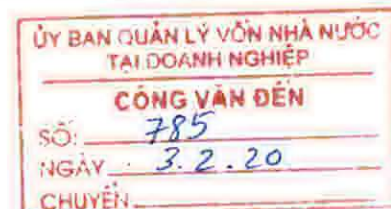
V/v : Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể
đầu tư năm 2019 của VNPT.

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2020.

**BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ ĐẦU TƯ
(năm 2019)**

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch Đầu tư;
- Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.



Thực hiện nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/09/2015 của Chính phủ về Giám sát và đánh giá đầu tư, thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2015 Quy định về mẫu báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) xin báo cáo giám sát và đánh giá tổng thể phần đầu tư các dự án của Tập đoàn năm 2019 như sau:

**I. TÌNH HÌNH BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CÁC CHÍNH SÁCH,
PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ THEO THẨM QUYỀN:**

Tập đoàn đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp kinh doanh, xây dựng nhiều cơ chế kinh tế, cơ chế phối hợp chung nhằm ổn định SXKD, tạo động lực cho các đơn vị thúc đẩy SXKD, tăng thị phần, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Việc ban hành các văn bản về cơ bản đã hoàn thiện trong năm 2016 bao gồm công văn số 737/VNPT-KHĐT ngày 29/02/2016 về việc Công tác giám sát và đánh giá đầu tư theo thông tư 22/2015/TT-BKHĐT và công văn số 2452/VNPT-KHĐT ngày 23/05/2016 về việc Bổ sung Mẫu tổng hợp báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư và công văn số 2514/VNPT-KHĐT ngày 23/05/2018 về việc các báo cáo về giám sát và đánh giá đầu tư, quản lý vốn và người đại diện để quản lý dự án đầu tư tại Công ty Stream Net Co.,Ltd tại Myanmar. Các văn bản hướng dẫn được ban hành đã góp phần củng cố công tác giám sát và đánh giá đầu tư.

II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ QUY HOẠCH

Công tác quản lý quy hoạch mạng lưới viễn thông mạng lưới viễn thông, công nghệ thông tin của Tập đoàn tiếp tục được tăng cường, Các Ban chức năng của Tập đoàn phối hợp chặt chẽ để đảm bảo các dự án đầu tư trong năm 2019 phải có hiệu quả thiết thực và cấp bách, phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và thực hiện theo cấu trúc mạng viễn thông và công nghệ thông tin đã được Lãnh đạo Tập đoàn phê duyệt.

Các chương trình xây dựng và quản lý quy hoạch, cấu trúc mạng viễn thông phục vụ cho kế hoạch đầu tư năm 2019 được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên hàng đầu: Công nghệ thông tin, Thông tin di động, dịch vụ băng rộng và dịch vụ giá trị gia tăng. Cụ thể như sau:

- Công nghệ thông tin: Ưu tiên hàng đầu chi đầu tư phát triển cho các dự án tích hợp hệ thống như chuyển đổi số, Smart City, Chính phủ điện tử

- Dịch vụ di động: Ưu tiên chi đầu tư phát triển cho mạng Di động Vinaphone. Tối ưu hóa mạng lưới, quy hoạch vùng phủ sóng, nâng cao chất lượng phủ sóng di động, mở rộng và hoàn thiện mạng lõi EPC, IMS, OCS, HLRs ... hoàn thiện mạng truyền dẫn, lắp đặt mới thêm các trạm LTE và cung cấp dịch vụ 4G tại các địa bàn trên cả nước, đảm bảo chất lượng phủ sóng trên toàn quốc.

- Dịch vụ băng rộng: Nâng cao dung lượng tuyến trục Bắc – Nam, mở rộng các vòng RING Bắc – Nam, RING Miền Trung, tăng dung lượng khai thác tuyến cáp quang biển AAG, đầu tư hoàn thiện tối ưu hóa các hệ thống truy cập băng rộng hiện có, đầu tư nâng cấp hạ tầng mạng băng rộng (quang hóa) cho tất cả các Viễn thông tỉnh, thành phố đẩy mạnh phát triển dịch vụ FTTx.

- Dịch vụ giá trị gia tăng: Đầu tư các hệ thống cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng di động của Vinaphone, hoàn thiện và mở rộng hệ thống IPTV, phát triển các dịch vụ giá trị gia tăng trên nền tảng băng rộng như Hosting, HIS, VnEdu

Các dự án đầu tư đều được giám sát và kiểm tra chặt chẽ đảm bảo đáp ứng đúng quy hoạch mạng lưới và phát triển của Tập đoàn

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ

1. Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019:

Quyết định số 110/QĐ-UBQLV ngày 23/4/2019 của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, trong đó Tổng vốn đầu tư năm 2019 là 12.200 tỷ đồng.

Thực hiện quyết định số 1399/QĐ-VNPT-KHĐT ngày 24/09/2019 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc phê duyệt giao kế hoạch vốn đầu tư khả dụng năm 2019 cho các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam; và các quyết định bổ sung, tổng kế hoạch vốn giao thực hiện năm 2019 là 12.092 tỷ đồng.

2. Tình hình thực hiện:

Tập đoàn đã thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển năm 2019 với kết quả như sau:

- Tổng số dự án đang triển khai thực hiện: 6.987 dự án;
- Kế hoạch vốn giao năm 2019: 12.092 tỷ đồng;
- Kế hoạch vốn thực hiện năm 2019: 11.036 tỷ đồng đạt 91% kế hoạch vốn giao;
- Giải ngân kế hoạch năm 2019: 10.643 tỷ đồng đạt 88% kế hoạch vốn giao.

(Kèm theo phụ biểu 01).

3. Kết quả huy động và giải ngân vốn đầu tư trong kỳ:

Căn cứ kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt, Tập đoàn đã xây dựng cân đối kế hoạch tài chính của Tập đoàn và kế hoạch thu chi tài chính của từng đơn vị, trong đó mục tiêu là tận dụng tối đa các nguồn vốn tự có của Tập đoàn cho nhu cầu đầu tư xây dựng, chỉ đi vay phần còn thiếu để giảm thiểu gánh nặng trả nợ vay trong những năm tiếp theo. Toàn bộ kế hoạch đầu tư năm 2019 được thực hiện bằng nguồn vốn tự có của Tập đoàn.

Hoạt động đầu tư của Tập đoàn được đảm bảo tiến độ, chất lượng, đồng thời tuân thủ và thực hiện theo các quy định của nhà nước trong công tác đầu tư xây dựng theo Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư, Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, Ngành liên quan.

IV. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC.

1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, thiết kế kỹ thuật, dự toán.

Năm 2019, Tập đoàn đang triển khai 6.987 dự án đầu tư trong đó có 01 dự án nhóm A, 89 dự án nhóm B và 6.897 dự án nhóm C. Thực hiện các quy định nhà nước về Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Tập đoàn thực hiện đầy đủ các trình tự lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, ban hành các quyết định đầu tư và phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán các dự án mới.

2. Tình hình thực hiện các dự án:

Năm 2019, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tiếp tục có những chương trình đầu tư tập trung phát triển mạng viễn thông nhằm tạo dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển, kinh doanh những dịch vụ mới trên nền tảng di động và băng rộng, các dự án tập trung vào các mục tiêu phát triển theo kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết đã được Lãnh đạo phê duyệt.

Số dự án phải điều chỉnh trong năm 2019 là 19 dự án chiếm tỷ trọng khoảng 0,1% tổng số dự án đang triển khai trong kế hoạch năm 2019.

Tổng số gói thầu tổ chức lựa chọn nhà thầu trong năm 2019 là 6.052 gói thầu, trong đó chỉ định thầu là 5.261 gói thầu chiếm 87% tổng số gói thầu, đấu thầu hạn chế là 2 gói thầu chiếm 0,1% tổng số gói thầu, đấu thầu rộng rãi là 166 gói thầu chiếm gần 3% tổng số gói thầu, còn lại là các hình thức khác được tổ chức lựa chọn nhà thầu.

3. Tình hình khai thác, vận hành dự án đã hoàn thành.

Các dự án đầu tư đã hoàn thành và đưa vào khai thác đã góp phần hoàn thiện hạ tầng mạng cho Tập đoàn phục vụ phát triển kinh doanh.

(Kèm theo phụ biểu 03)

V. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ VÀ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC.

1. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo.

Tập đoàn chỉ đạo các đơn vị thành viên thực hiện nghiêm túc các quy định của nhà nước và Tập đoàn về công tác giám sát và đánh giá đầu tư. Các đơn vị đã nghiêm túc thực hiện báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm theo các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn. Nhiều đơn vị đã thành lập Tổ giám sát, đánh giá đầu tư hay phân công chuyên trách thực hiện báo cáo Tập đoàn bằng văn bản (qua hệ thống văn bản điện tử eOffice) và trên phần mềm quản lý đầu tư tập trung (IMS) của Tập đoàn.

2. Đánh giá chất lượng của các báo cáo.

Tập đoàn tăng cường và hoàn thiện công tác quản lý sản xuất kinh doanh trên hệ thống công thông tin điện tử của Tập đoàn, hệ thống quản lý văn bản chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh và báo cáo của đơn vị đều được thực hiện trên mạng, do vậy các báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư đơn vị báo cáo Tập đoàn đầy đủ và đảm bảo chất lượng theo các biểu mẫu yêu cầu và đúng theo các thời gian đã quy định.

3. Kết quả kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư trong kỳ:

Năm 2019, Tập đoàn đã tiến hành kiểm tra tại 23 đơn vị trên tổng số 23 đơn vị theo kế hoạch kiểm tra năm 2019.

4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư trong kỳ tiếp theo

Thực hiện yêu cầu của nhà nước trong việc tăng cường quản lý đầu tư xây dựng, chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí trong công tác đầu tư xây dựng, năm 2019, Tập đoàn tiếp tục tập trung chỉ đạo và tổ chức các đoàn kiểm tra công tác đầu tư xây dựng, công tác giám sát, đánh giá đầu tư. Hướng dẫn các đơn vị thực hiện chỉ thị của Tổng giám đốc về tự kiểm tra công tác đầu tư xây dựng, chỉ thị về tự kiểm tra công tác quản lý vốn, tài sản và các chương trình hành động của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam thực hiện Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Thực hành tiếp kiệm, chống lãng phí.

5. Đánh giá chung về công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong kỳ.

Thực hiện Luật Đầu tư số 67/2014/QH13, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/09/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư, Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2015 của Bộ Kế hoạch Đầu tư về việc quy định về mẫu báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra các đơn vị thực hiện công tác

giám sát, đánh giá đầu tư theo văn bản số 4874/VNPT-KHĐT ngày 04/09/2015 về việc thực hiện công tác giám sát và đánh giá đầu tư.

Công tác giám sát và đánh giá đầu tư năm 2019 của Tập đoàn đã đi vào ổn định, chất lượng công tác giám sát, đánh giá đầu tư từng bước được nâng cao theo yêu cầu của nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/09/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư. Thông qua công tác này đã giúp Lãnh đạo Tập đoàn, Lãnh đạo các đơn vị thành viên theo dõi, kiểm tra và xác định được mức độ đạt được so với yêu cầu của quá trình đầu tư, kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót, giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện đảm bảo các dự án thực hiện theo đúng quy trình đầu tư, đáp ứng mục tiêu, kế hoạch và quy hoạch của Tập đoàn.

VI. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam xin báo cáo công tác giám sát, đánh giá đầu tư năm 2019. Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp quan tâm, hướng dẫn để Tập đoàn tăng cường, hoàn thiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư đạt hiệu quả tốt hơn.

Xin trân trọng cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Giám sát và thẩm định đầu tư – Bộ KHĐT;
- Chủ tịch Hội đồng thành viên;
- Tổng Giám đốc;
- Các Thành viên Hội đồng thành viên;
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Kiểm soát viên Tập đoàn;
- Ban KSNB; TC-CL; KTTC;
- Lưu: VT, KHĐT, NHN.



Huỳnh Quang Liêm

Số eOffice: 54278

2,3	Vốn khác (nước ngoài)								
3	Vốn vay								
3,1	Vốn đầu tư công								
3,2	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công								
3,3	Vốn trong nước								
3,4	Vốn nước ngoài								
III	Dự án sử dụng nguồn vốn khác								
1	Vốn trong nước								
2	Vốn nước ngoài								
IV	Tổng cộng								
1	Vốn đầu tư công (I.1 + II.1 + II.3.1)								
2	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công (I.2 + II.2.1 + II.3.2)	12.092	-	-	11.036	91%	10.643	88%	
3	Vốn khác								
	Trong nước (I.3.1 + II.2.2 + II.3.3 + III.1)								
	Nước ngoài (I.3.2 + II.2.3 + II.3.4 + III.2)								

PHỤ BIỂU 03

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ các dự án sử dụng vốn nhà nước (Kèm theo Mẫu số 1)

TT	Nội dung	Tổng số	Phân theo nhóm		
			A	B	C
I	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ				
1	Chủ trương đầu tư	4.083	0	19	4.064
a	Số dự án có kế hoạch chuẩn bị chủ trương đầu tư trong kỳ		-		
b	Số dự án được thẩm định chủ trương trong kỳ				
c	Số dự án có quyết định chủ trương trong kỳ				
2	Quyết định đầu tư	4.083	0	19	4.064
a	Số dự án có kế hoạch lập BCNCKT trong kỳ				
b	Số dự án được thẩm định trong kỳ				
c	Số dự án có quyết định đầu tư trong kỳ				
II	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ				
1	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ	6.987	1	89	6.897
a	Số dự án chuyển tiếp	2.890	1	56	2.833
b	Số dự án khởi công mới trong kỳ	4.097	0	33	4.064
2	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trong kỳ	6.987	1	89	6.897
3	Số dự án đã thực hiện kiểm tra trong kỳ (Do người có thẩm quyền quyết định đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước thực hiện)	2.096		27	2.069

4	Số dự án đã thực hiện đánh giá dự án trong kỳ	4.193	1	53	4.138
5	Số dự án có vi phạm về thủ tục đầu tư được phát hiện trong kỳ	0			0
a	<i>Không phù hợp với quy hoạch</i>	0			0
b	<i>Phê duyệt không đúng thẩm quyền</i>	0			0
c	<i>Không thực hiện đầy đủ trình tự thẩm tra, thẩm định dự án</i>	0			0
6	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý chất lượng được phát hiện trong kỳ (theo quy định về quản lý chất lượng hiện hành)	0			
7	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện trong kỳ (sau khi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán)	0			
a	<i>Tổng vốn đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện</i>	0			
b	<i>Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định</i>	0			
8	Số dự án chậm tiến độ trong kỳ	12	-	-	12
a	<i>Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư</i>	0			
b	<i>Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng</i>	4	-	0	4
c	<i>Số dự án chậm tiến độ do năng lực của chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các nhà thầu</i>	0			
d	<i>Số dự án chậm tiến độ do bố trí vốn không kịp thời</i>	0			
đ	<i>Số dự án chậm do các nguyên nhân khác</i>	8	0	-	8
9	Số dự án phải điều chỉnh trong kỳ	19	0	0	19
a	<i>Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư</i>	-	0	0	-
b	<i>Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư</i>	-	0	0	-
c	<i>Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư</i>	12	0	0	12
d	<i>Số dự án phải điều chỉnh do nguyên nhân khác</i>	7			7

10	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau	18	0	0	18
11	Số dự án thực hiện lựa chọn nhà thầu trong kỳ	-		-	-
a	Tổng số gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kỳ	6.052	4	66	5.982
	-Chỉ định thầu	5.261	2	36	5.223
	-Đấu thầu hạn chế	2	0	0	2
	-Đấu thầu rộng rãi	166	2	23	141
	-Hình thức khác	623	0	7	616
b	Tổng số gói thầu có vi phạm thủ tục đấu thầu được phát hiện trong kỳ	0			
	- Đấu thầu không đúng quy định	0			
	- Ký hợp đồng không đúng quy định	0			
III	KẾT THÚC ĐẦU TƯ, BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG				
1	Số dự án kết thúc đầu tư trong kỳ	5.589	0	71	5.518
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán	662	0	21	641
3	Số dự án được quyết toán trong kỳ	5.030	0	64	4.966
4	Tình hình vận hành khai thác				
a	Số dự án đã đưa vào vận hành	5.589	0	71	5.518
b	Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật, không có hiệu quả (nếu có)	0			
c	Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ	-	0	0	-

